

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH
VÀ QUẢN TRỊ CÔNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*
Số 596 -QĐ/HVHC&QTC

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Thông tin tuyển sinh trình độ đại học hình thức chính quy
năm 2026 của Học viện Hành chính và Quản trị công**

Căn cứ Quyết định số 55-QĐ/HVCTQG ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính và Quản trị công (đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 1051-QĐ/HVCTQG ngày 20 tháng 3 năm 2025 và Quyết định số 4379-QĐ/HVCTQG ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh);

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 528-QĐ/HVHC&QTC ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Giám đốc Học viện Hành chính và Quản trị công ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Học viện Hành chính và Quản trị công;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh đại học hình thức chính quy năm 2026 và Trưởng Ban Quản lý đào tạo,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Thông tin tuyển sinh trình độ đại học hình thức chính quy năm 2026 của Học viện Hành chính và Quản trị công.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Hội đồng tuyển sinh đại học hình thức chính quy năm 2026, Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Quản lý đào tạo, Trưởng các đơn vị thuộc và

trực thuộc Học viện và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (để b/c),
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c),
- Ban Giám đốc Học viện,
- Công thông tin điện tử Học viện,
- Lưu: VT, QLĐT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bá Chiến

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH
VÀ QUẢN TRỊ CÔNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

**THÔNG TIN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC CHÍNH QUY NĂM 2026**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 596 -QĐ/HVHC&QTC ngày 03 tháng 03 năm 2026
của Giám đốc Học viện Hành chính và Quản trị công)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Học viện Hành chính và Quản trị công

2. Mã Học viện trong tuyển sinh (mã trường): HCH

3. Địa chỉ các trụ sở:

a) Trụ sở tại Hà Nội:

Trụ sở Học viện Hành chính và Quản trị công tại thành phố Hà Nội

- Số 77 Nguyễn Chí Thanh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội (trụ sở chính);

- Số 36 Xuân La, phường Xuân Đình, thành phố Hà Nội;

- Số 371 Nguyễn Hoàng Tôn, phường Xuân Đình thành phố Hà Nội.

b) Các Phân hiệu:

- Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Số 10 đường 3/2, phường Hòa Hưng, thành phố Hồ Chí Minh (trụ sở chính); số 181
Lê Đức Thọ, phường Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

- Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại thành phố Đà Nẵng: Số
749 Trần Hưng Đạo, phường Điện Bàn Đông, thành phố Đà Nẵng.

- Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại tỉnh Đắk Lắk: Số 02
Trương Quang Tuân, phường Tân Lập, tỉnh Đắk Lắk.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://apag.edu.vn/>

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội (có thông tin tuyển sinh):

Fanpage: APAG - Tuyển sinh Học viện Hành chính và Quản trị công (link:
fb.com/tuyensinhapag); và Fanpage: Học viện Hành chính và Quản trị công – APAG.

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

Số điện thoại: 024.37533659; Hotline: 1900.099.996

7. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; Thông tin tuyển sinh, quy chế thi tuyển sinh: <https://apag.edu.vn/tuyensinh/>

8. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của Học viện: <https://apag.edu.vn/bandaotao/khaosatvieclam/>

Đường link công khai chương trình đào tạo trên trang điện tử của Học viện: <https://apag.edu.vn/bandaotao/chuongtrinhdaotao/>

Đường link công khai Thông tin tuyển sinh, Kế hoạch tuyển sinh, lịch tuyển sinh trình độ đại học: <https://apag.edu.vn/tuyensinh/>

Các thông tin tuyển sinh khác: <https://apag.edu.vn/tuyensinh/>

II. TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HÌNH THỨC CHÍNH QUY

1. Phương thức tuyển sinh, đối tượng, điều kiện dự tuyển

Học viện Hành chính và Quản trị công tuyển sinh theo bốn phương thức:

1.1. Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

a) Đối tượng: Thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2026 trở về trước tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026; có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

b) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Tốt nghiệp THPT;

- Hạnh kiểm: Khá trở lên;

- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Học viện (Học viện công bố sau khi thí sinh có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026). Trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ Văn tối thiểu đạt 1/3.

- Riêng ngành Luật, chuyên ngành Thanh tra ngưỡng điểm bảo đảm chất lượng đầu vào theo quy định do Bộ GDĐT chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp công bố.

- Thí sinh đạt tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT bao gồm môn Toán, Ngữ văn và một môn thi tốt nghiệp khác theo danh mục Học viện quy định (Phụ lục 1 kèm theo) đạt tối thiểu từ 15,0 điểm.

c) Hồ sơ đăng ký xét tuyển

Xét tuyển đợt 1: Thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có), hồ sơ gồm:

- Phiếu xét tuyển (Mẫu 01-ĐKĐT kèm theo);

- Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT (bản phô tô có chứng thực);

- Bằng tốt nghiệp hoặc giấy CNTT THPT tạm thời (bản phô tô có chứng thực);

- Các giấy tờ chứng nhận ưu tiên (nếu có);

d) Thời gian xét tuyển (đợt 1):

- Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển (đợt 1): Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thời gian công bố mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển và điểm trúng tuyển quy đổi tương đương dự kiến trước 17 giờ 00 phút ngày 10/7/2026.

- Thời gian công bố trúng tuyển (đợt 1): Trước 17 giờ 00 phút ngày 13/8/2026.

Lưu ý: Thí sinh đăng kí và điều chỉnh nguyện vọng từ ngày 02/7/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 14/7/2026.

1.2. Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT và kết hợp với kết quả thi tốt nghiệp THPT

1.2.1. Trụ sở Học viện Hành chính và Quản trị công tại thành phố Hà Nội

a) Đối tượng:

Thí sinh có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; thí sinh sử dụng kết quả học tập THPT lớp 10, lớp 11, lớp 12 theo tổ hợp môn;

Đợt 1: Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026;

Đợt bổ sung (nếu có): Thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2023 đến năm 2026.

b) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Tốt nghiệp THPT;

- Hạnh kiểm: Khá trở lên;

- Tổng điểm của 3 môn học (Điểm trung bình chung các môn học lớp 10, lớp 11, lớp 12) trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 18.0 điểm trở lên. Trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ Văn tối thiểu đạt 1/3.

- Riêng ngành Luật, chuyên ngành Thanh tra ngưỡng điểm bảo đảm chất lượng đầu vào theo quy định do Bộ GDĐT chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp công bố.

- Thí sinh đạt tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT bao gồm môn Toán, Ngữ văn và một môn thi tốt nghiệp khác theo danh mục Học viện quy định (Phụ lục 1 kèm theo) đạt tối thiểu từ 15,0 điểm.

1.2.2. Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Đà Nẵng

a) Đối tượng:

Thí sinh có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; thí sinh sử dụng kết quả học tập THPT lớp 10, lớp 11, lớp 12 theo tổ hợp môn;

Đợt 1: Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026;

Đợt bổ sung (nếu có): Thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2023 đến năm 2026.

b) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Tốt nghiệp THPT;

- Hạnh kiểm: Khá trở lên;

- Tổng điểm của 3 môn học (Điểm trung bình chung của môn học lớp 10, lớp 11, lớp 12) trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 18.0 điểm trở lên. Trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ Văn tối thiểu đạt 1/3.

- Riêng ngành Luật, chuyên ngành Thanh tra ngưỡng điểm bảo đảm chất lượng đầu vào theo quy định do Bộ GDĐT chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp công bố.

- Thí sinh đạt tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT bao gồm môn Toán, Ngữ văn và một môn thi tốt nghiệp khác theo danh mục Học viện quy định (Phụ lục 1 kèm theo) đạt tối thiểu từ 15,0 điểm.

1.2.3. Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

a) Đối tượng:

Thí sinh có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; thí sinh sử dụng kết quả học tập THPT lớp 10, lớp 11, lớp 12 theo tổ hợp môn;

Đợt 1: Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026;

Đợt bổ sung (nếu có): Thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2023 đến năm 2026.

b) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Tốt nghiệp THPT;

- Hạnh kiểm: Khá trở lên;

- Tổng điểm của 3 môn học (Điểm trung bình chung các môn học lớp 10, lớp 11, lớp 12) trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 18.0 điểm trở lên. Trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ Văn tối thiểu đạt 1/3.

- Riêng ngành Luật, chuyên ngành Thanh tra ngưỡng điểm bảo đảm chất lượng đầu vào theo quy định do Bộ GDĐT chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp công bố.

- Thí sinh đạt tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT bao gồm môn Toán, Ngữ văn và một môn thi tốt nghiệp khác theo danh mục Học viện quy định (Phụ lục 1 kèm theo) đạt tối thiểu từ 15,0 điểm.

1.2.4. Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại tỉnh Đắk Lắk

a) Đối tượng:

Thí sinh có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; thí sinh sử dụng kết quả học tập THPT lớp 10, lớp 11, lớp 12 theo tổ hợp môn;

Đợt 1: Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026;

Đợt bổ sung (nếu có): Thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2023 đến năm 2026.

b) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Tốt nghiệp THPT;

- Hạnh kiểm: Khá trở lên;

- Tổng điểm của 3 môn học (Điểm trung bình chung các môn học lớp 10, lớp 11, lớp 12) trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 18.0 điểm trở lên. Trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ Văn tối thiểu đạt 1/3.

- Riêng ngành Luật ngưỡng điểm bảo đảm chất lượng đầu vào theo quy định do Bộ GDĐT chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp công bố.

- Thí sinh đạt tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT bao gồm môn Toán, Ngữ văn và một môn thi tốt nghiệp khác theo danh mục Học viện quy định (Phụ lục 1 kèm theo) đạt tối thiểu từ 15,0 điểm.

1.2.5. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Phiếu xét tuyển (Mẫu 02-ĐKHB kèm theo);
- Học bạ THPT (bản phô tô có chứng thực);
- Bằng tốt nghiệp hoặc giấy CNTN THPT tạm thời năm 2026 (bản phô tô có chứng thực);
- Các giấy tờ chứng nhận ưu tiên (nếu có);

Toàn bộ hồ sơ trên thí sinh nộp về Học viện, **thí sinh đồng thời đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

1.2.6. Thời gian xét tuyển

- Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển (đợt 1): Từ ngày 01/6/2026 đến 17 giờ ngày 12/7/2026.

- Thời gian công bố trúng tuyển (đợt 1): Trước 17 giờ 00 phút ngày 13/8/2026.

Lưu ý: Thí sinh đăng kí và điều chỉnh nguyện vọng từ ngày 02/7/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 14/7/2026.

1.3. Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả bài thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức năm 2026 với kết quả thi tốt nghiệp THPT

1.3.1 Đối tượng: Thí sinh tham dự kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức năm 2026; có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

1.3.2 Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Tốt nghiệp THPT;
- Hạnh kiểm: Khá trở lên;
- Tổng điểm đạt từ 650 điểm trở lên (kết quả thi đánh giá năng lực Đại học Quốc gia TP.HCM) và 75 điểm trở lên (kết quả thi đánh giá năng lực Đại học Quốc gia Hà Nội);

- Thí sinh đạt tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT bao gồm môn Toán, Ngữ văn và một môn thi tốt nghiệp khác theo danh mục Học viện quy định (Phụ lục 1 kèm theo) đạt tối thiểu từ 15,0 điểm.

- Điểm trung bình chung học tập cả ba năm học lớp 10, lớp 11, lớp 12 đạt từ 7,0 điểm trở lên (Đây là tiêu chí xét tuyển, không dùng để tính điểm trúng tuyển).

1.3.3. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Phiếu xét tuyển (Mẫu 03-ĐKNL kèm theo);

- Giấy chứng nhận kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2026 hoặc Giấy chứng nhận kết quả thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM năm 2026 (bản phô tô có chứng thực);

- Bằng tốt nghiệp hoặc giấy CNTT THPT tạm thời năm 2026 (bản phô tô có chứng thực);

- Học bạ THPT (bản phô tô có chứng thực);

- Các giấy tờ chứng nhận ưu tiên (nếu có);

Toàn bộ hồ sơ trên thí sinh nộp về Học viện, **thí sinh đồng thời đăng ký nguyện vọng trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

1.3.4. Thời gian xét tuyển (đợt 1)

- Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển (đợt 1): Từ ngày 01/6/2026 đến 17 giờ ngày 12/7/2026.

- Thời gian công bố trúng tuyển (đợt 1): Trước 17 giờ 00 phút ngày 13/8/2026.

Lưu ý: Thí sinh đăng ký và điều chỉnh nguyện vọng từ ngày 02/7/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 14/7/2026.

1.4. Phương thức 4: Xét tuyển thẳng (theo quy định của Bộ GD và ĐT)

1.4.1. Đối tượng xét tuyển

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các chương trình đào tạo do Học viện quy định.

b) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng (*Phụ lục 2a kèm theo*). Thí sinh đoạt giải kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo (*có Phụ lục 2b kèm theo*).

c) Thí sinh là người nước ngoài phải đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT;

d) Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT, trung học nghề ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ THPT, trung học nghề của Việt Nam và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT;

đ) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ;

e) Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do Học viện quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường; trường hợp đặc biệt do Hội đồng tuyển sinh Học viện quyết định.

1.4.2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Tốt nghiệp THPT năm 2026 (đối với đối tượng quy định tại điểm a, b, e mục 1.4.1); tốt nghiệp THPT (đối với đối tượng quy định tại điểm c, d, đ mục 1.4.1);

- Thí sinh đoạt giải khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế phải có điểm trung bình chung cả ba năm học lớp 10, lớp 11, lớp 12 đạt từ 7.0 điểm trở lên, trong đó điểm trung bình chung cả ba năm học lớp 10, lớp 11, lớp 12 môn Tiếng Anh đạt từ 8.0 điểm trở lên.

- Đạt điều kiện xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối tượng quy định tại điểm đ, e mục 1.4.1 phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức.

1.4.3. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (Mẫu 04a-ĐKTT, Mẫu 04b-ĐKTT);

- Bằng tốt nghiệp hoặc giấy CNTT THPT tạm thời (bản phô tô có chứng thực);

- Minh chứng để được xét tuyển thẳng (bản phô tô có chứng thực);

- Các giấy tờ chứng nhận ưu tiên (nếu có).

Toàn bộ hồ sơ trên thí sinh nộp về Học viện, **thí sinh đồng thời đăng ký nguyện vọng trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

1.4.4. Thời gian xét tuyển:

- Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển: Trước 17 giờ 00 phút ngày 20/6/2026.

- Thời gian công bố trúng tuyển: Dự kiến ngày 30/6/2026.

- Thí sinh xác nhận nhập học trên hệ thống: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Ngưỡng đầu vào: Học viện quy đổi ngưỡng đầu vào tại thông báo ngưỡng điểm nhận hồ sơ đăng kí xét tuyển trình độ đại học hình thức chính quy đợt 1 năm 2026 của Học viện. Dự kiến trước 17 giờ 00 phút ngày 10/7/2026.

- Điểm trúng tuyển: Học viện công bố trước 17 giờ 00 phút ngày 13/8/2026.

3. Số lượng tuyển sinh

Học viện Hành chính và Quản trị công tổ chức tuyển sinh trình độ đại học hình thức chính quy năm 2026 là 4.200 chỉ tiêu, cụ thể như sau:

Số lượng tuyển sinh: Theo ngành/nhóm ngành/khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, chuyên ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh
A	Tại trụ sở chính Học viện Hành chính và Quản trị công tại Hà Nội				2640	
1.	73444HN	Quản trị nhân lực	734; 73404	Kinh doanh quản lý; Quản trị - Quản lý	310	- Phương thức 1 (Tổ hợp A01, C01, C04, D01) - Phương thức 2 (Tổ hợp A01, C01, C04, D01) - Phương thức 3, Phương thức 4
2.	73446HN	Quản trị văn phòng	734; 73404	Kinh doanh quản lý; Quản trị - Quản lý	310	- Phương thức 1 (Tổ hợp A01, A07, D01, D14) - Phương thức 2 (Tổ hợp A01, A07, D01, D14) - Phương thức 3, Phương thức 4
3.	73811HN	Luật	738;	Pháp luật; Luật	240	- Phương thức 1 (Tổ hợp A00, A01, C04, D01) - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, C04, D01) - Phương thức 3, Phương thức 4
4.	73811-1HN	<i>Chuyên ngành Thanh tra thuộc ngành Luật</i>	73801		70	
5.	73111HN	Kinh tế	731;	Khoa học xã hội và hành vi; Kinh tế học	170	- Phương thức 1 (Tổ hợp A01, C01, D01, D10) - Phương thức 2 (Tổ hợp A01, C01, D01, D10) - Phương thức 3, Phương thức 4
6.	73111-1HN	<i>Chuyên ngành Kinh tế du lịch thuộc ngành Kinh tế</i>	73101		50	
7.	73125-EHN	Quản lý nhà nước (Chương trình đào tạo 50% bằng tiếng Anh)	731; 73102	Khoa học xã hội và hành vi; Khoa học chính trị	40	- Phương thức 1 (Tổ hợp D01, D14, D15) - Phương thức 2 (Tổ hợp D01, D14, D15) - Phương thức 3, Phương thức 4
8.	73125HN	Quản lý nhà nước			250	- Phương thức 1

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, chuyên ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh
9.	73125-1HN	<i>Chuyên ngành Quản trị tổ chức</i>	731;	Khoa học xã hội và hành vi;	40	(Tổ hợp C04, D01, D14, D15) - Phương thức 2
10.	73125-2HN	<i>Chuyên ngành Quản trị địa phương</i>	73102	Khoa học chính trị	40	(Tổ hợp C04, D01, D14, D15) - Phương thức 3, Phương thức 4
11.	73121HN	Chính trị học	731; 73102	Khoa học xã hội và hành vi; Khoa học chính trị	150	- Phương thức 1 (Tổ hợp C00, C03, C04, D01) - Phương thức 2 (Tổ hợp C00, C03, C04, D01) - Phương thức 3, Phương thức 4
12.	73122HN	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	731; 73102	Khoa học xã hội và hành vi; Khoa học chính trị	150	- Phương thức 1 (Tổ hợp C00, C03, D01, D14) - Phương thức 2 (Tổ hợp C00, C03, D01, D14) - Phương thức 3, Phương thức 4
13.	73233HN	Lưu trữ học	732;	Báo chí và thông tin;	85	- Phương thức 1 (Tổ hợp C00, C03, D01, D14)
14.	73233-1HN	<i>Chuyên ngành Văn thư – Lưu trữ thuộc ngành Lưu trữ học</i>	73203	Văn thư – Lưu trữ - Bảo tàng	70	- Phương thức 2 (Tổ hợp C00, C03, D01, D14) - Phương thức 3, Phương thức 4
15.	73221HN	Thông tin – thư viện	732; 73202	Báo chí và thông tin; Thông tin - Thư viện	75	- Phương thức 1 (Tổ hợp C00, D01, D14, D15) - Phương thức 2 (Tổ hợp C00, D01, D14, D15) - Phương thức 3, Phương thức 4
16.	78113HN	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	781; 78101	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân; Du lịch	140	- Phương thức 1 (Tổ hợp C01, D01, D10, D15) - Phương thức 2 (Tổ hợp C01, D01, D10, D15) - Phương thức 3, Phương thức 4

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, chuyên ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh
17.	72942HN	Quản lý văn hóa	722; 72290	Nhân văn; Khác	70	- Phương thức 1 (Tổ hợp C04, D01, D14, D15)
18.	72942-1HN	<i>Chuyên ngành Quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch thuộc ngành Quản lý văn hóa</i>			40	- Phương thức 2 (Tổ hợp C04, D01, D14, D15) - Phương thức 3, Phương thức 4
19.	72940-1HN	<i>Chuyên ngành Văn hóa Du lịch thuộc ngành Văn hóa học</i>	722; 72290	Nhân văn; Khác	30	- Phương thức 1 (Tổ hợp C04, D01, D14, D15) - Phương thức 2 (Tổ hợp C04, D01, D14, D15)
20.	72940-2HN	<i>Chuyên ngành Văn hóa Truyền thông thuộc ngành Văn hóa học</i>			140	- Phương thức 3, Phương thức 4
21.	74814HN	Hệ thống thông tin	748; 74801	Máy tính và công nghệ thông tin; Máy tính	100	- Phương thức 1 (Tổ hợp A00, A01, D01, X26) - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, D01, X26)
22.	74814-1HN	<i>Chuyên ngành Hệ thống thông tin thương mại điện tử thuộc ngành Hệ thống thông tin</i>			70	- Phương thức 3, Phương thức 4
B	Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại thành phố Đà Nẵng				460	
1.	73444DN	Quản trị nhân lực	734; 73404	Kinh doanh quản lý; Quản trị - Quản lý	80	- Phương thức 1 (Tổ hợp A01, C04, D01, D10) - Phương thức 2 (Tổ hợp A01, C04, D01, D10) - Phương thức 3, Phương thức 4
2.	73446DN	Quản trị văn phòng	734; 73404	Kinh doanh quản lý; Quản trị - Quản lý	70	- Phương thức 1 (Tổ hợp C00, D01, D14, D15) - Phương thức 2 (Tổ hợp C00, D01, D14, D15) - Phương thức 3, Phương thức 4
3.	73811DN	Luật	738;	Pháp luật;	50	- Phương thức 1 (Tổ hợp A00, C00, C03, D01)

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, chuyên ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh
4.	7381-1DN	<i>Chuyên ngành Thanh tra thuộc ngành Luật</i>	73801	Luật	100	- Phương thức 2 (Tổ hợp A00, C00, C03, D01) - Phương thức 3, Phương thức 4
5.	73125DN	Quản lý nhà nước	731; 73102	Khoa học xã hội và hành vi; Khoa học chính trị	80	- Phương thức 1 (Tổ hợp C00, C03, D01, D15) - Phương thức 2 (Tổ hợp C00, C03, D01, D15) - Phương thức 3, Phương thức 4
6.	78113DN	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	781; 78101	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân; Du lịch	40	- Phương thức 1 (Tổ hợp C00, D01, D14, D15) - Phương thức 2 (Tổ hợp C00, D01, D14, D15) - Phương thức 3, Phương thức 4
7.	73111DN	Kinh tế	731; 73101	Khoa học xã hội và hành vi; Kinh tế học	40	- Phương thức 1 (Tổ hợp A00, A01, D01, D10) - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, D01, D10) - Phương thức 3, Phương thức 4
C	Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh				860	
1.	73811HCM	Luật	738; 73801	Pháp luật; Luật	70	- Phương thức 1 (Tổ hợp C03, C04, D01, D10) - Phương thức 2
2.	7381-1HCM	<i>Chuyên ngành Thanh tra thuộc ngành Luật</i>			70	(Tổ hợp C03, C04, D01, D10) - Phương thức 3, Phương thức 4
3.	73444HCM	Quản trị nhân lực	734; 73404	Kinh doanh quản lý; Quản trị - Quản lý	105	- Phương thức 1 (Tổ hợp C01, C04, D01, D10) - Phương thức 2 (Tổ hợp C01, C04, D01, D10) - Phương thức 3, Phương thức 4

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, chuyên ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh
4.	73446HCM	Quản trị văn phòng	734; 73404	Kinh doanh quản lý; Quản trị - Quản lý	150	- Phương thức 1 (Tổ hợp C03, C04, D01, D10) - Phương thức 2 (Tổ hợp C03, C04, D01, D10) - Phương thức 3, Phương thức 4
5.	73125HCM	Quản lý nhà nước	731; 73102	Khoa học xã hội và hành vi; Khoa học chính trị	160	- Phương thức 1 (Tổ hợp C03, C04, D01, D10) - Phương thức 2 (Tổ hợp C03, C04, D01, D10) - Phương thức 3, Phương thức 4
6.	73122HCM	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	731; 73102	Khoa học xã hội và hành vi; Khoa học chính trị	80	- Phương thức 1 (Tổ hợp C00, C03, C04, D01) - Phương thức 2 (Tổ hợp C00, C03, C04, D01) - Phương thức 3, Phương thức 4
7.	73233HCM	Lưu trữ học	732; 73203	Báo chí và thông tin; Văn thư – Lưu trữ - Bảo tàng	35	- Phương thức 1 (Tổ hợp C00, C03, D01, D14) - Phương thức 2
8.	7323-1HCM	<i>Chuyên ngành Văn thư – Lưu trữ thuộc ngành Lưu trữ học</i>			35	(Tổ hợp C00, C03, D01, D14) - Phương thức 3, Phương thức 4
9.	73111HCM	Kinh tế	731; 73101	Khoa học xã hội và hành vi; Kinh tế học	155	- Phương thức 1 (Tổ hợp A01, D01, D10, D15) - Phương thức 2 (Tổ hợp A01, D01, D10, D15) - Phương thức 3, Phương thức 4
D	Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại tỉnh Đắk Lắk				240	
1.	73125DL	Quản lý nhà nước	731; 73102	Khoa học xã hội và hành vi;	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp A00, C00, D01, D10) - Phương thức 2

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, chuyên ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh
				Khoa học chính trị		(Tổ hợp A00, C00, D01, D10) - Phương thức 3, Phương thức 4
2.	73444DL	Quản trị nhân lực	734; 73404	Kinh doanh quản lý; Quản trị - Quản lý	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp A00, A01, C00, D01) - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, A01, C00, D01) - Phương thức 3, Phương thức 4
3.	73811DL	Luật	738; 73801	Pháp luật; Luật	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp A00, C00, C04, D01) - Phương thức 2 (Tổ hợp A00, C00, C04, D01) - Phương thức 3, Phương thức 4
4.	73111DL	Kinh tế	731; 73101	Khoa học xã hội và hành vi; Khoa học chính trị	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp C00, C01, D01, D10) - Phương thức 2 (Tổ hợp C00, C01, D01, D10) - Phương thức 3, Phương thức 4

4. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a) Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

- Đối với những tổ hợp môn không có môn Tiếng Anh (*đối với phương thức xét tuyển theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và kết quả học tập THPT lớp 10, lớp 11 và lớp 12*), thí sinh có khu vực ưu tiên tương ứng phải đạt được kết quả học tập trung bình chung môn Tiếng Anh của 3 năm THPT (cả năm lớp 10, lớp 11, lớp 12) là:

Khu vực	Khu vực 1	Khu vực 2, 2NT	Khu vực 3
Điểm TBC học tập 03 năm THPT môn Tiếng Anh	$\geq 6,0$ điểm	$\geq 7,0$ điểm	$\geq 8,0$ điểm

- Điểm quy đổi từ Chứng chỉ Quốc tế, Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (VSTEP) cho môn Tiếng Anh áp dụng cho Phương thức 1, Phương thức 2

<i>IELTS</i>	<i>TOEFL iBT</i>	<i>TOEFL ITP</i>	<i>VSTEP</i>	<i>SAT</i>	<i>Điểm quy đổi thang điểm 10</i>
5.5	70	515	6.0	1200	8
6.0	76	540	6.5	1250	8,5
6.5	82	550	7.0	1300	9
7.0	92	570	7.5	1350	9,5
7.5	100	590	8.0	1400	10

(không sử dụng chứng chỉ TOEFL IBT Home Edition)

Thí sinh phải nộp hồ sơ có chứng thực Chứng chỉ Quốc tế, Chứng chỉ Tiếng Anh (VSTEP) từ ngày 01/6/2026 đến hết 17 giờ 00 phút ngày 16/6/2026.

- Đối với chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước giảng dạy bằng tiếng Anh (mã ngành 73125-EHN) thí sinh phải đạt năng lực tiếng Anh với kết quả thi IELTS 6.0 và tương đương. Nếu thí sinh chưa đáp ứng đủ điều kiện năng lực tiếng Anh, sau khi nhập học phải tham gia kì kiểm tra do Học viện quy định.

b) Điểm cộng

TT	Đạt giải trong kì thi HSG, kì thi Khoa học kĩ thuật cấp Quốc gia	Đạt giải trong kì thi HSG, kì thi Khoa học kĩ thuật cấp tỉnh/thành phố	Chứng chỉ SAT	Chứng chỉ Tiếng Anh tương đương IELTS	Quy điểm cộng cho phương thức xét tuyển kết quả học tập THPT
1			1200-1230	5.5	0,5
2		Ba	1231-1300	6.0	0,6
3	Khuyến khích	Nhì	1301-1350	6.5	0,7
4	Ba	Nhất	1351-1370	7.0	0,8
5	Nhì		1371-1400	7.5	0,9
6	Nhất		≥ 1401	8.0	1,0

Thí sinh phải nộp minh chứng ưu tiên có chứng thực để được hưởng điểm cộng từ ngày 01/6/2026 đến hết 17 giờ 00 phút ngày 16/6/2026.

c) Học phí dự kiến với sinh viên chính quy trúng tuyển năm 2026

Các ngành: Quản lý nhà nước (và các chuyên ngành), Văn hóa học (và các chuyên ngành), Quản lý văn hóa (và chuyên ngành), Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Lưu trữ học (và chuyên ngành), Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Kinh tế (và chuyên ngành): 602.000 đồng/tín chỉ.

Các ngành: Quản trị nhân lực, Quản trị văn phòng, Luật (và chuyên ngành): 564.000 đồng/tín chỉ.

Ngành Hệ thống thông tin (và chuyên ngành): 659.000 đồng/tín chỉ.

Lưu ý: Học viện thực hiện việc điều chỉnh mức thu học phí theo quy định của pháp luật.

d) Các thông tin khác

Cách tính điểm ưu tiên (đối với những thí sinh có điểm trung bình chung của 03 môn >22,5 điểm áp dụng cho phương thức 1 và phương thức 2) = [(30 điểm – Tổng điểm đạt được)/7,5] × (Mức điểm ưu tiên khu vực, đối tượng ban đầu).

5. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

- Thời gian xét tuyển (đợt 1)

+ Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển (đợt 1): Từ ngày 01 tháng 6 năm 2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 12/7/2026.

+ Thời gian công bố trúng tuyển (đợt 1): Trước 17 giờ 00 phút ngày 13 tháng 8 năm 2026.

- Thời gian xét tuyển (các đợt bổ sung)

+ Học viện Hành chính và Quản trị công xét tuyển bổ sung từ 1 đến 2 đợt xét tuyển (nếu có);

+ Thông báo xét tuyển bổ sung được công bố trước 10 ngày trên Website: <https://apag.edu.vn/tuyensinh/> (nếu có).

- Các tổ hợp môn xét tuyển (áp dụng cho phương thức xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT và phương thức xét tuyển theo kết quả học tập THPT) như sau:

TT	Mã tổ hợp xét tuyển	Tên Tổ hợp môn	Điểm chênh Tổ hợp môn
1.	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	0
2.	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	0

TT	Mã tổ hợp xét tuyển	Tên Tổ hợp môn	Điểm chênh Tổ hợp môn
3.	A07	Toán, Lịch sử, Địa lí	0
4.	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	+2
5.	C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	0
6.	C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	0
7.	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	0
8.	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Tổ hợp gốc)	0
9.	D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	0
10.	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	0
11.	D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	0
12.	X26	Toán, Tiếng Anh, Tin	0

Riêng đối với Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Đà Nẵng và Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại tỉnh Đắk Lắk tổ hợp C00 chênh + 01 điểm so với Tổ hợp môn (THM) gốc.

6. Chính sách ưu tiên

Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

6.1. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

6.1.1. Xét tuyển thẳng: Quy định tại Phần II, mục 1.4. Phương thức 4. Xét tuyển thẳng

6.1.2. Ưu tiên xét tuyển: Quy định tại Phần II, mục 4 a, b.

a) Thí sinh đạt điều kiện ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT và của Học viện.

b) Hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển:

- Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển (Mẫu 05-ĐKUT);
- Bằng tốt nghiệp hoặc giấy CNTT THPT tạm thời (bản phô tô có chứng thực);
- Minh chứng để được ưu tiên xét tuyển: Giấy chứng nhận đoạt giải (bản phô tô có chứng thực);

Toàn bộ hồ sơ trên thí sinh nộp về Học viện, **thí sinh đồng thời rà soát minh chứng ưu tiên trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

c) Thời gian nộp hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển: Thí sinh phải nộp minh chứng ưu tiên xét tuyển để được hưởng điểm cộng từ ngày 01/6/2026 đến hết 17 giờ 00 phút ngày 16/6/2026.

6.2. Học bổng và các ưu tiên khác

6.2.1. Trụ sở Học viện Hành chính và Quản trị công tại thành phố Hà Nội

Học bổng cho thí sinh trúng tuyển đợt 1

- Thủ khoa toàn khóa năm (xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026): 2.000.000đ;

- Thủ khoa các ngành (xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT): 1.000.000đ;

- Thí sinh trúng tuyển theo phương thức tuyển thẳng (trừ trường hợp đi học dự bị đại học): 2.000.000đ.

6.2.2. Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Đà Nẵng

a) Học bổng cho thí sinh trúng tuyển đợt 1

- Thủ khoa toàn khóa (xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026): 2.000.000đ;

- Thủ khoa các ngành (xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026): 1.000.000đ;

- Thí sinh trúng tuyển theo phương thức tuyển thẳng (trừ trường hợp đi học dự bị đại học): 2.000.000đ.

b) Miễn phí ở ký túc xá 01 năm cho thí sinh trúng tuyển đợt 1, thuộc một trong các đối tượng sau đây:

- Trúng tuyển theo phương thức kết quả thi tốt nghiệp THPT và các phương thức khác: 26 điểm trở lên (đã được quy đổi điểm tương đương);

- Trúng tuyển ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành hoặc ngành Kinh tế;

- Trúng tuyển theo phương thức tuyển thẳng;

c) Miễn phí ký túc xá toàn khóa học cho sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo, gia đình đặc biệt khó khăn, mồ côi (cha/mẹ hoặc cả cha và mẹ).

6.2.3. Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

Miễn phí ở ký túc xá 02 năm cho thí sinh trúng tuyển đợt 1, thuộc một trong các đối tượng sau đây:

- Thủ khoa các ngành (xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT);

- Thí sinh đạt giải Học sinh giỏi cấp Quốc gia;

- Thí sinh trúng tuyển ngành Lưu trữ học, chuyên ngành Văn thư - Lưu trữ.

6.2.4. Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại tỉnh Đắk Lắk.

a) Học bổng và các ưu tiên khác

- Học bổng cho thí sinh trúng tuyển: Thủ khoa toàn khóa (xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026): 2.000.000đ.

b) Miễn phí ở ký túc xá 01 năm cho thí sinh trúng tuyển (đã quy đổi điểm tương đương) đảm bảo điều kiện sau đây:

Trúng tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT và Trúng tuyển theo kết quả học tập THPT: 25 điểm trở lên.

c) Miễn phí ký túc xá 02 năm học cho sinh viên thuộc gia đình chính sách, con thương binh, bệnh binh, con liệt sĩ, con hộ nghèo, cận nghèo, gia đình đặc biệt khó khăn, mồ côi (cha/mẹ hoặc cả cha và mẹ).

7. Lệ phí xét tuyển

Lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT và theo thông báo nộp hồ sơ tuyển sinh của Học viện.

8. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Học viện tiếp nhận và giải quyết các trường hợp vướng mắc của thí sinh theo đúng hướng dẫn và quy định của pháp luật.

9. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

a) Học viện sử dụng phương thức xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT là Phương thức gốc; sử dụng tổ hợp môn D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh là tổ hợp môn gốc.

b) Học viện sử dụng thang điểm 30 cho phương thức 1 và phương thức 2.

c) Trong trường hợp có văn bản, hướng dẫn mới của Bộ GDĐT, Học viện sẽ có thông báo, điều chỉnh, bổ sung theo quy định hiện hành.

d) Địa điểm, phương thức nộp hồ sơ

Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại các địa điểm nhận hồ sơ của Học viện như sau: Thí sinh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ như trên, nộp hồ sơ và lệ phí tại một trong số các địa điểm tiếp nhận hồ sơ:

- Học viện Hành chính và Quản trị công tại thành phố Hà Nội:

+ Phòng Tuyển sinh (101) nhà 11 tầng, trụ sở Học viện tại Hà Nội, số 77, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội.

+ Hotline: 1900.099.996; Điện thoại: 024.37533659.

- Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại thành phố Đà Nẵng:

+ Phòng Quản lý đào tạo và Khoa học (B101) nhà B, Phân hiệu Học viện tại thành phố Đà Nẵng, số 749, đường Trần Hưng Đạo, phường Điện Bàn Đông, thành phố Đà Nẵng.

+ Điện thoại: 023.56263232; Hotline: 19009010; Zalo: 0867565468.

- Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh:

+ Phòng Quản lý đào tạo và Khoa học (A110, A112) nhà A, Phân hiệu Học viện tại thành phố Hồ Chí Minh, số 10 đường 3/2, phường Hòa Hưng, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Điện thoại: 028.38633326.

- Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại tỉnh Đắk Lắk:

+ Phòng Quản lý đào tạo và Khoa học (P.105) nhà A, Phân hiệu Học viện tại tỉnh Đắk Lắk, số 02, đường Trương Quang Tuân, phường Tân Lập, tỉnh Đắk Lắk.

+ Điện thoại: 026.23865804; Zalo: 038.8240177.

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ thang điểm 30	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ thang điểm 30	
											Điểm thi TN THPT	Điểm học bạ THPT
A	Tại trụ sở chính Học viện Hành chính và Quản trị công tại Hà Nội											
1	7340404-Hà Nội	Quản trị nhân lực	734; 73404	Kinh doanh quản lý; Quản trị - Quản lý	1. Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT	370	376	24.2	450	365	24.8	28.25
2	7340406-Hà Nội	Quản trị văn phòng	734; 73404	Kinh doanh quản lý; Quản trị - Quản lý		330	311	24.05	400	381	25.1	27.5
3	7380101-Hà Nội	Luật	738; 73801	Pháp luật; Luật		280	281	24.2		215	24.8	28.25
4	7380101-01-Hà Nội	<i>Chuyên ngành Thanh tra thuộc ngành Luật</i>				80	88	24.2	104			
5	7310101-Hà Nội	Kinh tế	731; 73101	Khoa học xã hội và hành vi; Kinh tế học	2. Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ)	220	295	23.5	300	305	24.6	28.25
6	7310101-01- Hà Nội	<i>Chuyên ngành Kinh tế du lịch</i>				50	19	23.5				
7	7310205-Hà Nội	Quản lý nhà nước	731; 73102	Khoa học xã hội và hành vi; Khoa học chính trị		310	359	23.75	600	563	24.4	27
8	7310201-Hà Nội	Chính trị học	731; 73102	Khoa học xã hội và hành vi; Khoa học chính trị		80	137	23.35	150	131	24.05	25.5
9	7310202-Hà Nội	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	731; 73102	Khoa học xã hội và hành vi; Khoa học chính trị	60	15	23.35	150		106	24.9	26.5
10	7320303-Hà Nội	Lưu trữ học	732; 73203	Báo chí và thông tin; Văn thư – Lưu trữ - Bảo tàng	3. Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực do ĐH quốc gia	80	158	23	210	149	23.25	25
11	7320303-01-Hà Nội	<i>Chuyên ngành Văn thư – Lưu trữ thuộc ngành Lưu trữ học</i>				80	35	23		74		
12	7320201-Hà Nội	Thông tin – thư viện	732; 73202	Báo chí và thông tin;		40	97	22.35	90	57	23.6	25.5

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024				
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/thang điểm 30	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/thang điểm 30		
											Điểm thi TN THPT	Điểm học bạ THPT	
13	7810103-Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	781; 78101	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân; Du lịch	HN và ĐH quốc gia TP. HCM tổ chức	140	144	24.4	130	144	25.2	27	
14	7229042-Hà Nội	Quản lý văn hóa	722; 72290	Nhân văn; Khác	4. Phương thức 4: Xét tuyển thẳng theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh	70	138	23.55	120	95	24.3	26	
15	7229042-01-Hà Nội	<i>Chuyên ngành Quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch thuộc ngành Quản lý văn hóa</i>				40	19	23.55		42			
16	7229040-01-Hà Nội	<i>Chuyên ngành Văn hóa Du lịch thuộc ngành Văn hóa học</i>				722; 72290	Nhân văn; Khác	50	44	23.9	180	22	24.8
17	7229040-02-Hà Nội	<i>Chuyên ngành Văn hóa Truyền thông thuộc ngành Văn hóa học</i>	120	144				23.9	189				
18	7480104-Hà Nội	Hệ thống thông tin	748; 74801	Máy tính và công nghệ thông tin; Máy tính		100	133	19.75	150	96	23.9	27.25	
19	7480104-01-Hà Nội	<i>Chuyên ngành Hệ thống thông tin thương mại điện tử thuộc ngành Hệ thống thông tin</i>				80	66	19.75		74			
B	Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại thành phố Đà Nẵng												
1.	7340404-Đà Nẵng	Quản trị nhân lực	734; 73404	Kinh doanh quản lý; Quản trị - Quản lý			60	56	18	60	39	22.5	18
2.	7340406-Đà Nẵng	Quản trị văn phòng	734; 73404	Kinh doanh quản lý; Quản trị - Quản lý			50	49	16	60	36	20.5	18

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/thang điểm 30	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/thang điểm 30	
											Điểm thi TN THPT	Điểm học bạ THPT
3.	7380101-Đà Nẵng	Luật	738; 73801	Pháp luật; Luật		60	46	21	170	42	22.45	20
4.	7380101-01-Đà Nẵng	<i>Chuyên ngành Thanh tra thuộc ngành Luật</i>				80	163	21		155		
5.	7310205-Đà Nẵng	Quản lý nhà nước	731; 73102	Khoa học xã hội và hành vi; Khoa học chính trị		40	62	18	60	71	22	18
6.	7310101-Đà Nẵng	Kinh tế	731; 73101	Khoa học xã hội và hành vi; Kinh tế học		40	20	16	50	25	16	18
7.	7810103-Đà Nẵng	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	781; 78101	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân; Du lịch		40	21	16				
C	Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh											
1.	7380101-TP-HCM	Luật	738; 73801	Pháp luật; Luật		120	130	23.4	170	98	26.45	28
2.	7380101-01-TP-HCM	<i>Chuyên ngành Thanh tra thuộc ngành Luật</i>				60	134	23.4		82		
3.	7340404-TP-HCM	Quản trị nhân lực	734; 73404	Kinh doanh quản lý; Quản trị - Quản lý		60	138	22.5				
4.	7340406-TP-HCM	Quản trị văn phòng	734; 73404	Kinh doanh quản lý; Quản trị - Quản lý		165	241	21.5	180	247	24.25	25
5.	7310205-TP-HCM	Quản lý nhà nước	731; 73102	Khoa học xã hội và hành vi; Khoa học chính trị		90	139	23.75	300	316	25.35	26
6.	7310202-TP-HCM	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	731; 73102	Khoa học xã hội và hành vi; Khoa học chính trị		50	79	23.45				

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/thang điểm 30	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/thang điểm 30	
											Điểm thi TN THPT	Điểm học bạ THPT
7.	7320303-TP-HCM	Lưu trữ học	732; 73203	Báo chí và thông tin; Văn thư – Lưu trữ - Bảo tàng		40	68	21.35	80	54	23.75	24.5
8.	7320303-01-TP-HCM	<i>Chuyên ngành Văn thư – Lưu trữ thuộc ngành Lưu trữ học</i>				40	41	21.35				
9.	7310101-TP-HCM	Kinh tế	731; 73101	Khoa học xã hội và hành vi; Kinh tế học		155	186	19.15	160	184	21.5	23
D	Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại tỉnh Đắk Lắk											
1	7310205-Đắk Lắk	Quản lý nhà nước	731; 73102	Khoa học xã hội và hành vi; Khoa học chính trị		60	46	16	68	65	19.2	18.65
2	7380101-Đắk Lắk	Luật	738; 73801	Pháp luật; Luật		60	60	18				
3	7340404-Đắk Lắk	Quản trị nhân lực	734; 73404	Kinh doanh quản lý; Quản trị - Quản lý		60	41	16				

Người kê khai

Cao Anh Thịnh

ĐT: 0983 42 56 48

Email: thinhca@apag.edu.vn

Hà Nội, Ngày tháng năm 2026

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bá Chiến

Phụ lục 1
Danh sách các môn thi tốt nghiệp THPT khác

(Quy định tại Khoản 3 Điều 5 Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Học viện)

TT	Môn thi tốt nghiệp THPT	Ghi chú
1	Tiếng Anh	Áp dụng điều kiện cho tất cả các ngành
2	Vật lý	
3	Hóa học	
4	Lịch sử	Áp dụng điều kiện cho tất cả các ngành trừ ngành Hệ thống thông tin và chuyên ngành Hệ thống thông tin thương mại điện tử
5	Địa lý	
6	Giáo dục kinh tế và pháp luật	
7	Công nghệ	Chỉ áp dụng điều kiện cho ngành Hệ thống thông tin và chuyên ngành Hệ thống thông tin thương mại điện tử
8	Tin học	

Ghi chú: Các thí sinh thi tốt nghiệp THPT được lựa chọn môn thi tốt nghiệp THPT có kết quả cao nhất phù hợp với danh sách và quy định ở trên.

*

PHỤ LỤC 2a
DANH SÁCH NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO
XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026

(Áp dụng cho thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia đăng ký xét tuyển thẳng đại học hình thức chính quy năm 2026 và thí sinh được ưu tiên xét tuyển)

TT	Ngành/Chuyên ngành	Môn đoạt giải
1	Quản trị nhân lực	Toán, Tiếng Anh, Vật lý, Ngữ văn, Địa lý, Lịch sử
2	Quản trị văn phòng	Toán; Tiếng Anh; Ngữ văn; Lịch sử, Địa lý
3	Luật <i>Chuyên ngành Thanh tra</i>	Toán, Tiếng Anh, Vật lý, Ngữ văn, Địa lý, Lịch sử
4	Quản lý nhà nước <i>Chuyên ngành Quản trị tổ chức</i> <i>Chuyên ngành Quản trị địa phương</i>	Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn, Địa lý, Lịch sử
5	Quản lý nhà nước (Chương trình đào tạo 50% bằng tiếng Anh)	Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn, Địa lý, Lịch sử
6	Chính trị học	Lịch sử, Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
7	Lưu trữ học <i>Chuyên ngành Văn thư Lưu trữ</i>	Lịch sử, Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
8	Quản lý văn hóa <i>Chuyên ngành Quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch</i>	Lịch sử, Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh, Toán, Tiếng Trung
9	<i>Chuyên ngành Văn hóa Du lịch</i> <i>Chuyên ngành Văn hóa Truyền thông</i>	<i>Lịch sử, Ngữ văn, Địa lý, Toán, Tiếng Anh, Tiếng Trung</i>
10	Thông tin – thư viện	Toán, Lịch sử, Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Trung
11	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Toán, Lịch sử, Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Trung
12	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Toán, Ngữ văn, Địa lý, Lịch sử
13	Hệ thống thông tin <i>Chuyên ngành Hệ thống thông tin thương mại điện tử</i>	Toán, Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ
14	Kinh tế <i>Chuyên ngành Kinh tế du lịch</i>	Toán; Vật lý; Tiếng Anh; Ngữ văn

*

PHỤ LỤC 2b
DANH SÁCH NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO
XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026

(Áp dụng cho thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia đăng ký xét tuyển thẳng đại học hình thức chính quy năm 2026 và thí sinh được ưu tiên xét tuyển)

TT	Ngành/Chuyên ngành	Lĩnh vực đoạt giải
1	Quản trị nhân lực	Khoa học xã hội và hành vi, Toán học
2	Quản trị văn phòng	Khoa học xã hội và hành vi, Toán học
3	Luật <i>Chuyên ngành Thanh tra</i>	Khoa học xã hội và hành vi, Toán học
4	Quản lý nhà nước <i>Chuyên ngành Quản trị tổ chức</i> <i>Chuyên ngành Quản trị địa phương</i>	Khoa học xã hội và hành vi, Toán học
5	Quản lý nhà nước (Chương trình đào tạo 50% bằng tiếng Anh)	Khoa học xã hội và hành vi, Toán học
6	Chính trị học	Khoa học xã hội và hành vi
7	Lưu trữ học <i>Chuyên ngành Văn thư Lưu trữ</i>	Khoa học xã hội và hành vi
8	Quản lý văn hóa <i>Chuyên ngành Quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch</i>	Khoa học xã hội và hành vi
9	<i>Chuyên ngành Văn hóa Du lịch</i> <i>Chuyên ngành Văn hóa Truyền thông</i>	<i>Khoa học xã hội và hành vi, Khoa học Trái đất và môi trường</i>
10	Thông tin – thư viện	Khoa học xã hội và hành vi
11	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Khoa học xã hội và hành vi, Khoa học Trái đất và môi trường
12	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Khoa học xã hội và hành vi
13	Hệ thống thông tin <i>Chuyên ngành Hệ thống thông tin thương mại điện tử</i>	Rô bốt và máy thông minh, Toán học, Phần mềm hệ thống
14	Kinh tế <i>Chuyên ngành Kinh tế du lịch</i>	Khoa học xã hội và hành vi, Toán học